

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

2. Mã trường: YCT

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): số 179 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.ctump.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0292.3831531 hoặc 0292.3508873

- Đường link công khai Thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: https://tuyensinh.ctump.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc_portal_25.html

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp có học chương trình THPT, có nguyện vọng học tại trường.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường thực hiện tuyển sinh cả nước theo phương thức xét tuyển. Trường xét tuyển các phương thức sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Xét tuyển thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường, điểm xét tuyển không nhân hệ số.

- Phương thức 2: Xét tuyển kết quả thi V-SAT năm 2025. Xét tuyển thí sinh có điểm thi V-SAT năm 2025 của ba môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số).

- Phương thức 3: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng. Xét tuyển thí sinh theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và theo quy định của Trường.

- Phương thức 5: Xét tuyển người nước ngoài tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp có học chương trình THPT. Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài hoặc trung cấp có học chương trình THPT và có quốc tịch nước ngoài. Thí sinh đạt chuẩn năng lực tiếng Anh theo yêu cầu của ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

Chi tiết các phương thức được cụ thể trong chỉ tiêu tuyển sinh.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7720101	7720101	Y khoa	1000	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 2 (V-SAT) - Phương thức 3 - Phương thức 4
	7720101E	7720101E	Y khoa tiếng Anh	130	- Phương thức 5
2	7720110	7720110	Y học dự phòng	150	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3 - Phương thức 4
3	7720115	7720115	Y học cổ truyền	150	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3 - Phương thức 4
4	7720201	7720201	Dược học	200	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh/Toán, Lý, Hóa) - Phương thức 3 - Phương thức 4
5	7720301	7720301	Điều dưỡng	100	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3
6	7720302	7720302	Hộ sinh	100	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3
7	7720401	7720401	Dinh dưỡng	50	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3
8	7720501	7720501	Răng hàm mặt	175	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 2 (V-SAT) - Phương thức 3 - Phương thức 4
9	7720601	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	120	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3 - Phương thức 4
10	7720602	7720602	Kỹ thuật Hình ảnh y học	50	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3
11	7720701	7720701	Y tế công cộng	50	- Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh) - Phương thức 3
12	7520212	7520212	Kỹ thuật Y sinh	50	Phương thức 1 (Toán, Hóa, Sinh/Toán, Lý, Hóa/Toán, Lý, Tin)
TỔNG CỘNG				2325	

Chỉ tiêu xét tuyển đợt 1:

- Chỉ tiêu từng ngành có thể thay đổi 20% để phù hợp nhu cầu và mức điểm chung của ngành. Chỉ tiêu trên có chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh đại học, chỉ tiêu đào tạo từ các trường Dự bị đại học chuyển đến.

- Đào tạo theo hợp đồng: Chỉ tiêu đào tạo theo nhu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Thành phố, Bệnh viện, Cơ quan, Đơn vị trong lĩnh vực y tế... có ký kết hợp tác,

đăng ký đặt hàng đào tạo với Trường; đặc biệt ưu tiên cho tuyển y tế cơ sở, vùng biên giới, hải đảo. Thí sinh bắt buộc phải có quyết định cử đi đào tạo của Đơn vị hợp đồng.

- Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài: Chỉ tiêu đào tạo thí sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài hoặc trung cấp có học chương trình THPT và có quốc tịch nước ngoài.

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào trường

a) Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu trong các tổ hợp xét tuyển.

b) Điểm cộng: Trường không áp dụng điểm cộng, điểm thưởng.

c) Các thông tin khác:

- Mã trường: **YCT**

- Mã phương thức xét tuyển: **100** (Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT)

301 (Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh)

402 (Sử dụng kết quả thi V-SAT của 3 môn Toán, Hóa, Sinh)

411 (Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài)

- Tổ hợp xét tuyển **B00: Toán-Hóa-Sinh** (Hóa, Sinh: điểm môn thi thành phần hoặc điểm kỳ thi V-SAT).

A00: Toán-Lý-Hóa (Lý, Hóa: điểm môn thi thành phần).

C01: Toán-Lý-Tin (Lý, Tin: điểm môn thi thành phần)

- Trường xét tuyển theo mã ngành lấy điểm từ cao đến thấp theo chỉ tiêu, không phân biệt nguyện vọng giữa các thí sinh (NV1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất).

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Chỉ tiêu từng ngành có thể thay đổi 20% để phù hợp nhu cầu và mức điểm chung của ngành.

- Dự bị dân tộc: Chỉ tiêu đào tạo từ các trường Dự bị đại học chuyển đến.

- Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài: Chỉ tiêu đào tạo thí sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài hoặc trung cấp có học chương trình THPT và có quốc tịch nước ngoài.

- **Tuyển sinh theo hợp đồng:**

+ *Nội dung tuyển sinh đào tạo hợp đồng:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Đơn vị hợp đồng đề đào tạo nhân lực cho các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp, ưu tiên khu vực Tây Nam Bộ; đối tượng thí sinh là người có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên tại khu

vực; Tỉnh hoặc Đơn vị cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp bắt buộc có **quyết định** cử đi đào tạo của UBND tỉnh hoặc Đơn vị.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian:

+ Xét tuyển đợt 1: thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) theo hình thức trực tuyến sau kỳ thi tốt nghiệp THPT trên Hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT và thông báo tuyển sinh của trường.

+ Xét tuyển bổ sung (nếu có): thí sinh đăng ký trực tuyến theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo tuyển sinh của trường.

- Hình thức nhận ĐKXT:

+ Xét tuyển đợt 1: thí sinh ĐKXT theo hình thức trực tuyến sau kỳ thi THPT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, nộp kinh phí ĐKXT trực tuyến; thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT hình thức trực tuyến theo thời gian quy định.

+ Xét tuyển bổ sung (nếu có): thí sinh đăng ký bằng hình thức trực tuyến theo thông báo tuyển sinh của trường.

- Các điều kiện xét tuyển:

Trường không sử dụng điểm bảo lưu trong kỳ thi tốt nghiệp THPT trước đây để xét tuyển sinh; không sử dụng kết quả thi V-SAT của các năm trước để xét tuyển;

Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trong thời hạn quy định bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT. Quá thời hạn, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác bổ sung.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

1.7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành. Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

- Điểm ưu tiên (khu vực và đối tượng) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định của Quy chế tuyển sinh.

- Tổ chức xét tuyển thẳng: Chỉ tuyển thẳng ngành Dược học đối với thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Hóa học do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; các ngành còn lại chỉ tuyển thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Sinh học do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

- Tổ chức Ưu tiên xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia có môn thi chọn học sinh giỏi quốc gia trùng với môn xét tuyển Toán, Hóa, Sinh và đã tốt nghiệp trung học, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT có 3 môn xét tuyển của trường và đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định. Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Trường sẽ có thông báo xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng trên trang tuyển sinh của trường để thí sinh đăng ký xét tuyển.

1.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/ 01 nguyện vọng.

1.9. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường cam kết giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

1.10. Các nội dung khác

- Học phí dự kiến với sinh viên đại học chính quy:

TT	Ngành	Học phí năm học
1	Y khoa, Răng hàm mặt	63.133.000 đ
2	Dược học	63.133.000 đ
3	Y học cổ truyền, Y học dự phòng	56.913.000 đ
4	Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, KT Y sinh	50.693.000 đ
5	Kỹ thuật Hình ảnh y học, Hộ sinh, Y tế công cộng, Dinh dưỡng	44.473.000 đ

- Mức học phí đối với diện đào tạo theo hợp đồng trên cơ sở ký kết đào tạo với UBND các tỉnh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 39 triệu đồng/sinh viên.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Năm tuyển sinh 2023: Trường xét tuyển kết quả Kỳ thi THPT của ba môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số).

- Năm tuyển sinh 2024: Trường xét tuyển kết quả Kỳ thi THPT của ba môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số), riêng ngành Kỹ thuật Y sinh xét tuyển thêm của ba môn Toán, Lý và Hóa.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Kết quả thi THPT (B00)	1235	1154	25,7	1120	998	25,52
2	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	Kết quả thi THPT (B00)	150	111	22,7	75	120	22,35
3	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	Kết quả thi THPT (B00)	130	134	24,48	125	138	23,90
4	7720201	Dược học	7720201	Dược học	Kết quả thi THPT (B00)	200	213	24,78	200	171	24,70
5	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Kết quả thi THPT (B00)	105	118	23,45	75	77	23,20
6	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	Kết quả thi THPT (B00)	50	47	22,35	30	29	22,25
7	7720501	Răng hàm mặt	7720501	Răng hàm mặt	Kết quả thi THPT (B00)	150	161	25,65	250	203	25,40
8	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Kết quả thi THPT (B00)	100	106	24,38	75	83	24,05
9	7720602	Kỹ thuật	7720602	Kỹ thuật	Kết quả thi	50	50	23,75	30	45	23,50

		Hình ảnh y học		Hình ảnh y học	THPT (B00)						
10	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	Kết quả thi THPT (B00)	40	44	19,2	20	30	20
11	7520212	Kỹ thuật Y sinh	7520212	Kỹ thuật Y sinh	Kết quả thi THPT (A00)	25	52	22,10	0	0	0
					Kết quả thi THPT (B00)	20		22,80	0	0	0
Tổng cộng						2255	2190	X	2000	1894	X

Tuyển sinh liên thông: Thi bổ trợ+THPT

Thời gian và hình thức đăng ký: theo thông báo tuyển sinh của trường; đồng thời thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển và nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thời gian quy định của Bộ.

Tổ hợp môn thi bổ trợ ngành Y khoa và Dược học: Mỗi thí sinh tham gia dự thi một bài thi tổ hợp dưới đây

Môn thi và số câu hỏi	Thời gian làm bài (phút)	Điểm thành phần
Toán học: 30 câu	40	30 điểm
Năng lực bổ trợ - Y khoa: Giải phẫu: 15 câu Sinh lý: 15 câu - Dược học: Hóa phân tích: 30 câu	35	30 điểm
Năng lực chuyên môn - Y khoa: Nội khoa: 10 câu Ngoại khoa: 10 câu Nhi khoa: 10 câu Sản phụ khoa: 10 câu - Dược học:	45	40 điểm

Hóa dược-Dược lý: 10 câu Bào chế: 10 câu Quản lý dược: 10 câu Dược liệu: 10 câu		
--	--	--